TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi

2. Bà Võ Thị Thúy An

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 21-10-2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20B/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-3-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/20201/QĐST-HNGĐ ngày 23-3-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1986 *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt B**, sinh năm 1954, cư trú: khu phố B, thị trấn V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, Luật sư - Văn phòng Luật sư Nguyễn Việt B *(có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Phạm Hoàn D**, sinh năm 1983 *(vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Cẩm T** trình bày:*

Chị và anh Phạm Hoàn D chung sống với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều không thể khắc phục được, và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau hơn 10 năm nay.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Phạm Hoàn D;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý giao con cho anh D nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi và cháu Phúc cũng đã có ý kiến bằng văn bản được sống với anh D, chị T không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D; về tài sản và về nợ, nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp nên đề nghị không xem xét.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Hoàn D; về con, tài sản và nợ đồng ý theo ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã trình bày trên, không bổ sung gì thêm.

- Bị đơn anh Phạm Hoàn D vắng mặt lần thứ hai không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn anh Phạm Hoàn D; về quan hệ nuôi con chung: giao Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn anh Phạm Hoàn D biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T. Nhưng bị đơn anh D không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh D vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ các thủ tục xét xử cho bị đơn anh Phạm Hoàn D, nhưng bị đơn anh D vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, nhưng bị đơn anh D vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Hoàn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Hoàn D tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện U Minh Thượng cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2005. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng: Theo chị T trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã ly thân nhau hơn 10 năm nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh D là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị T nêu trên (Bút lục số 33).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa hai bên không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị T, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoàng Phúc, sinh ngày 24/7/2006 đang sống chung với anh D. Khi ly hôn, giao anh D trực tiếp nuôi Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho anh D, nhưng anh D vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị T nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu

Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị T, anh D) ly hôn có nguyện vọng sống chung với anh D. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi sau khi chị T và anh D ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, do từ khi thụ lý đến nay anh D không có ý kiến thể hiện gì về việc buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, do đó về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh D trong trường hợp này được xác định các đương sự không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Theo chị T, vợ chồng không tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị T về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh D biết, nhưng đến nay anh D không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị T và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị T, anh D) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn anh Phạm Hoàn D.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm Hoàng P, sinh ngày 24/7/2006 cho anh D trực tiếp nuôi *(đúng theo nguyện vọng của Phạm Hoàng P)*, chị T không cấp dưỡng nuôi con cùng anh D sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009944 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2021); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C, huyện UMT;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh